

NGHIÊN CỨU LỰA CHỌN CÁC CHỈ TIÊU TUYỂN CHỌN NỮ VẬN ĐỘNG VIÊN CẦU LÔNG VIỆT NAM GIAI ĐOẠN HUẤN LUYỆN CHUYÊN MÔN HÓA SÂU

A STUDY ON THE SELECTION CRITERIA FOR VIETNAMESE FEMALE BADMINTON ATHLETES IN THE INTENSIVE SPECIALIZATION TRAINING PHASE

TS. Cao Hoài Anh

Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội

Tóm tắt: Trên cơ sở tổng hợp tài liệu, phỏng vấn huấn luyện viên, giảng viên, các nhà chuyên môn về Cầu lông trên cả nước, nghiên cứu tiến hành đánh giá thực trạng sử dụng các chỉ tiêu tuyển chọn nữ vận động viên Cầu lông Việt Nam từ những năm 2000 đến nay. Thông qua các phương pháp nghiên cứu thường quy trong thể dục thể thao, sau khi tiến hành thực nghiệm kiểm tra tính hiệu quả của các chỉ tiêu được lựa chọn, nghiên cứu đã xác định và lựa chọn được 25 chỉ tiêu tuyển chọn nữ vận động viên Cầu lông Việt Nam, giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu đảm bảo độ tin cậy và tính thông báo, thông qua kết quả đó sẽ góp phần cho công tác tuyển chọn và huấn luyện nữ VĐV Cầu lông giai đoạn huấn luyện thể thao thành tích cao về sau.

Từ khóa: Nữ vận động viên Cầu lông, chỉ tiêu tuyển chọn, giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu, Việt Nam.

Abstract: Based on a comprehensive review of documents, interviews with coaches, instructors, and experts in badminton across the country, an assessment was conducted on the current state of selection criteria for female badminton players in Vietnam from the year 2000 to the present. Through standard research methods in sports, 25 selection criteria for female badminton players during the period of specialized training were identified and chosen, ensuring high reliability and informative value after experimental verification of the effectiveness of the selected criteria. This facilitates the selection and training process for female badminton athletes in the later stages of high-performance sports training.

Keyword: Vietnam, Female, Badminton athletes, Indicator system, Talent selection, Training program.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thi đấu thể thao môn Cầu lông thành tích cao đã trở thành một trong những lĩnh vực rất được quan tâm và theo dõi trong các môn thi đấu thể thao thành tích cao nói chung. Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ thi đấu khu vực và quốc tế, việc đào tạo lực lượng vận động viên (VĐV) Cầu lông trẻ có thành tích cao làm đội ngũ kế cận cho đội tuyển trẻ Quốc gia là rất quan trọng và cần thiết. Ở nhiều nước có thành tích môn Cầu lông cao như Trung Quốc, một số nhà nghiên cứu như Wang Jin Can, Tang Li Xu, Wang Lin... cho rằng công tác tuyển chọn VĐV Cầu lông dự bị cho đội tuyển Quốc gia nên được tiến hành ở giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Khi đó kỹ thuật của VĐV

tham gia kiểm tra đã đạt được sự ổn định cao và số liệu thu thập được sẽ phản ánh được năng lực, trình độ của VĐV một cách tốt nhất. Hiện nay, đề tài nghiên cứu về công tác tuyển chọn VĐV Cầu lông ở trong nước đang được một số nhà nghiên cứu quan tâm và tiến hành nghiên cứu như Nguyễn Lan Anh, Ngô Hữu Thắng, Nguyễn Mạnh Cường... Tuy nhiên các nhà nghiên cứu chủ yếu tiến hành nghiên cứu các vấn đề nghiên cứu như mô hình VĐV Cầu lông cấp cao, tuyển chọn VĐV Cầu lông trẻ mà chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu lựa chọn chỉ tiêu tuyển chọn VĐV Việt Nam giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu, nhất là đối với nữ VĐV Cầu lông nói riêng. Do đó, việc nghiên cứu lựa chọn các chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Cầu lông Việt Nam giai đoạn chuyên môn hóa sâu đối với sự phát triển của Cầu lông nữ Việt Nam trong tương lai có nội hàm giá trị to lớn và có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Để giải quyết các vấn đề nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu thường quy được sử dụng bao gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp thực nghiệm sự phạm, phương pháp kiểm tra y sinh học, phương pháp toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Đánh giá thực trạng công tác nghiên cứu về tuyển chọn VĐV Cầu lông từ những năm 2000 đến nay

Ở Việt Nam, từ những năm 2000 đến nay trong lĩnh vực nghiên cứu xây dựng hệ thống lý luận và thực tiễn trong công tác tuyển chọn VĐV Cầu lông có sự đóng góp của các chuyên gia hàng đầu như: Dương Nghiệp Chí - 2004; Trần Đức Dũng - 2007; Bùi Quang Hải - 2007; Trần Văn Vinh, Hướng Xuân Nguyên... Song đa số các tác giả trên mới dừng ở mức xác định các chỉ tiêu tuyển chọn ban đầu, định lượng trong giai đoạn huấn luyện sơ bộ hay tổ chức quá trình tuyển chọn. Ngoài ra, một số công trình nghiên cứu về tuyển chọn VĐV Cầu lông tiêu biểu có thể kể đến như Lê Nguyệt Nga “Khoa học tuyển chọn tài năng thể thao và Bộ môn Cầu lông - Quần vợt” (2006); Phạm Quang Bản “Nghiên cứu tiêu chuẩn tuyển chọn VĐV Cầu lông các tuyển tại TP Hồ Chí Minh” (2007); Nguyễn Mạnh Cường “Nghiên cứu tuyển chọn VĐV trẻ Cầu lông Việt Nam” (2020)... Tuy nhiên, có thể nhận thấy chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông dẫn đến sự hạn chế và thiếu cơ sở khoa học trong công tác tuyển chọn và đào tạo nữ VĐV Cầu lông.

2.2. Cơ sở lý luận của việc lựa chọn chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông Việt

Nam giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu

Tuyển chọn VĐV thể thao là một quá trình nhiều năm, qua nhiều thang bậc. Khả năng đạt thành tích cao hay thấp ở một môn thể thao nào đó tùy thuộc vào mức độ và chất lượng của sự kết hợp này. Cần phải nhận rõ, không phải năng khiếu thể thao quyết định thành tích thể thao mà chỉ có khả năng đạt thành tích thể thao phụ thuộc vào năng khiếu thể thao mà thôi. Bản thân những tư chất sinh học mới chỉ là những tiền đề sinh học, trong đó các dạng năng khiếu còn đang lấp ló, tiềm ẩn chưa được bộc lộ. Vì vậy, để có tài năng thể thao thực sự sau này, nghĩa là có thành tích thể thao cao trong tương lai, cần phải tập luyện lâu dài nhằm nắm chắc được những kỹ năng kỹ xảo hoạt động của môn thể thao chuyên sâu và rèn luyện các phẩm chất tâm lý cần thiết. Từ đó, có thể nhận định rằng các yếu tố thuộc về năng lực thể thao của VĐV có ảnh hưởng quan trọng đến việc hình thành trình độ tập luyện của VĐV trong suốt quá trình huấn luyện dài hạn và có ảnh hưởng quan trọng đến việc phát triển thành tích thi đấu của VĐV thể thao. Do vậy, năng lực thể thao là nội dung chủ yếu, nòng cốt để làm cơ sở xác định các chỉ tiêu tuyển chọn VĐV thể thao nói chung và nữ VĐV Cầu lông trẻ Việt Nam lứa tuổi 13 -15 giai đoạn chuyên môn hóa sâu nói riêng.

2.3. Xác định các nội dung tuyển chọn và chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông Việt Nam giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu

Bằng phương pháp nghiên cứu tổng hợp tài liệu trong và ngoài nước về lĩnh vực Cầu lông, đồng thời tiến hành phỏng vấn 10 chuyên gia và 66 nhà khoa học, giảng viên, huấn luyện viên Cầu lông trên cả nước qua để xác định các chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 1 như sau:

Bảng 1. Các chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông giai đoạn chuyên môn hóa sâu đạt quy ước lựa chọn

Nội dung	Chỉ tiêu	Mã hóa	Kết quả phỏng vấn					
			Lần 1			Lần 2		
			Lựa chọn		Tần suất từng trường hợp (%)	Lựa chọn		Tần suất từng trường hợp (%)
			n	Tần suất trong nhóm (%)		n	Tần suất trong nhóm (%)	
Hình thái	Chiều cao đứng (cm)	H1	66	22.84	100	66	23.49	100
	Chỉ số BMI (kg/m ²)	H3	64	22.15	96.97	65	23.13	98.48
Chức năng sinh lý	Công năng tim (HW)	CT3	65	10.3	98.5	66	10.3	100
	Dung tích sống (ml)	CT4	65	10.3	98.5	66	10.3	100
Chức năng sinh hóa	Số lượng hồng cầu (RBC) (Tera/L)	SH2	63	8.7	95.5	64	8.6	97
	Số lượng Huyết sắc tố (Hb) (g/DL)	SH3	64	8.8	97	65	8.7	98.5
	Cortisol máu 7 - 10 giờ (nmol/L)	SH11	65	8.9	98.5	66	8.9	100
	Testosterone (nmol/L)	SH12	64	8.8	97	65	8.7	98.5
Năng lực tâm lý - trí tuệ	Loại hình thần kinh	CTL1	65	12.9	98.5	65	12.9	98.5
	Năng lực xử lý thông tin (bit/s)	CTL2	63	12.5	95.5	64	12.7	97
	Cảm giác vận động cơ	CTL3	62	12.3	93.9	63	12.6	95.5
	Phản xạ đơn (ms)	CTL4	62	12.3	93.9	63	12.6	95.5
	Năng lực không chế động tác	CTL5	62	11.9	90.9	51	10.2	77.3
Thể lực chung và chuyên môn	Bật xa tại chỗ (cm)	TL2	62	7.6	93.9	63	7.7	95.5
	Chạy 30m xuất phát cao (s)	TL3	61	7.9	98.5	66	8.1	100
	Chạy 800m (s)	TL4	63	7.7	95.5	62	7.6	93.9
	Di chuyển ngang sân đơn 5 lần(s)	TLM5	66	8.1	100	63	7.7	95.5
	Di chuyển lên xuống 5 lần (s)	TLM6	65	7.9	98.5	63	7.7	95.5
Kỹ - chiến thuật	Đánh cầu cao sâu và ô 1m ² (lần)	KT1	63	8.9	95.5	64	9	97
	Đập cầu dọc biên vào ô 0.5m x 6,70m (lần)	KT2	66	9.3	100	63	8.8	95.5
	Phát cầu xa vào ô 10 lần (lần)	KT3	62	8.8	93.9	63	8.8	95.5
	Phát cầu thấp gần vào ô 10 lần (lần)	KT4	65	9.2	98.5	66	9.2	100
	Phối hợp phòng thủ thấp tay đẩy cầu trên lưới (lần)	KT7	61	8.6	92.4	61	8.5	92.4
	Phối hợp đập cầu dọc biên và bờ nhỏ 10 lần (lần)	KT8	65	9.2	98.5	66	9.2	100
	Hiệu suất thi đấu	KT9	62	8.8	93.9	63	8.8	95.5
Tổng			25/68 chỉ tiêu đạt yêu cầu			Tần suất: 36.76%		

2.4. Kiểm nghiệm độ tin cậy và tính thông báo của các chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông Việt Nam giai đoạn chuyên môn hóa sâu

Tính chất quan trọng của một chỉ tiêu đo lường là độ tin cậy và tính thông báo. Chính vì vậy, nghiên cứu đã tiến hành xác định mối

trương quan giữa các chỉ tiêu đã chọn lựa với thành tích thi đấu của các nữ VĐV Cầu lông 13 - 15 tuổi thông qua việc tính mối tương quan cặp rx/y. Kết quả kiểm nghiệm độ tin cậy bằng hệ số tương quan cặp được trình bày ở bảng 2 như sau:

Bảng 2. Độ tin cậy của các chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông Việt Nam giai đoạn chuyên môn hóa sâu

	N	Kiểm tra lần 1		Kiểm tra lần 2		r	
		Mean	SD	Mean	SD		
Năng lực xử lý thông tin (bit/s)	15 tuổi	12	3.89	0.27	3.81	0.26	0.92
	14 tuổi	14	4.08	0.27	4.09	0.27	0.83
	13 tuổi	5	4.39	0.26	4.36	0.25	0.98
Cảm giác lực cơ	15 tuổi	12	1.78	0.17	1.77	0.21	0.81
	14 tuổi	14	1.59	0.31	1.54	0.23	0.86
	13 tuổi	5	1.48	0.17	1.47	0.17	0.86
Phân xạ đơn (m/s)	15 tuổi	12	183.04	16.88	183.04	16.78	0.89
	14 tuổi	14	186.59	24.08	186.74	23.95	0.85
	13 tuổi	5	187.8	23.21	187.8	23.02	0.86
Kiểm tra năng lực không chế động tác	15 tuổi	12	6.42	0.27	6.49	0.87	0.87
	14 tuổi	14	6.27	0.21	6.28	0.86	0.87
	13 tuổi	5	5.85	0.22	5.94	0.86	0.80
Bật xa tại chỗ không đà (cm)	15 tuổi	12	3.89	0.27	3.81	0.26	0.92
	14 tuổi	14	4.08	0.27	4.09	0.27	0.83
	13 tuổi	5	4.39	0.26	4.36	0.25	0.98
Chạy 30m XPC (s)	15 tuổi	12	1.78	0.17	1.77	0.21	0.81
	14 tuổi	14	1.59	0.31	1.54	0.23	0.86
	13 tuổi	5	1.48	0.17	1.47	0.17	0.86
Chạy 800m (s)	15 tuổi	12	183.04	16.88	183.04	16.78	0.89
	14 tuổi	14	186.59	24.08	186.74	23.95	0.85
	13 tuổi	5	187.8	23.21	187.8	23.02	0.86
Di chuyển ngang sân đơn 5 lần (s)	15 tuổi	12	6.42	0.27	6.49	0.87	0.87
	14 tuổi	14	6.27	0.21	6.28	0.86	0.87
	13 tuổi	5	5.85	0.22	5.94	0.86	0.81
Di chuyển lên xuống 5 lần (s)	15 tuổi	12	202.67	6.85	201.92	6.1	0.82
	14 tuổi	14	198.29	4.84	198.29	4.82	0.86
	13 tuổi	5	187.6	1.52	187.61	1.51	0.81
Đánh cầu cao sâu vào ô 1m ² 10 lần (lần)	15 tuổi	12	4.65	0.04	4.66	0.04	0.87
	14 tuổi	14	4.75	0.06	4.75	0.06	0.87
	13 tuổi	5	4.92	0.08	4.92	0.08	0.86
Phát cầu thấp gần vào ô 10 lần (lần)	15 tuổi	12	184.32	0.84	184.99	0.97	0.86
	14 tuổi	14	190.62	0.88	191.02	0.58	0.88

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

	N	Kiểm tra lần 1		Kiểm tra lần 2		r	
		Mean	SD	Mean	SD		
	13 tuổi	5	195.04	0.37	196.01	0.42	0.87
Phát cầu xa vào ô 10 lần (lần)	15 tuổi	12	23.12	0.67	23.42	0.67	0.89
	14 tuổi	14	24.02	0.62	24.06	0.62	0.85
	13 tuổi	5	24.86	0.55	24.9	0.55	0.86
Đạp cầu dọc biên vào ô 0,5m x 6,70m 10 lần (lần)	15 tuổi	12	23.06	0.67	22.51	0.58	0.87
	14 tuổi	14	23.61	0.62	23.8	0.62	0.81
	13 tuổi	5	24.71	0.84	24.76	0.84	0.85
Phối hợp đạp cầu dọc biên và bỏ nhỏ 10 lần (lần)	15 tuổi	12	7.25	0.75	7.45	0.65	0.82
	14 tuổi	14	7.14	0.66	7.14	0.66	0.87
	13 tuổi	5	6.8	0.71	6.76	0.71	0.86
Phòng thủ thấp tay đẩy cầu trên lưới (lần)	15 tuổi	12	7.41	0.52	7.35	0.55	0.87
	14 tuổi	14	7.19	0.51	7.23	0.52	0.86
	13 tuổi	5	6.86	0.36	6.86	0.36	0.86
Hiệu suất thi đấu	15 tuổi	12	7.42	0.67	7.38	0.67	0.89
	14 tuổi	14	7.13	0.62	7.11	0.62	0.85
	13 tuổi	5	6.68	0.55	6.74	0.55	0.86

Qua bảng 2 cho thấy các chỉ tiêu tuyển chọn qua 2 lần kiểm tra đều có $r > 0.8$ (Ngưỡng xác suất $P < 0.05$). Điều này chứng tỏ là kết quả đo lường của các chỉ tiêu này qua 2 lần đo lường

trong thời gian ngắn có mối tương quan chặt. Điều này cho thấy các chỉ tiêu tuyển chọn được kiểm nghiệm mang tính lặp lại (retest) có độ ổn định, có mối tương quan chặt chẽ với nhau.

Bảng 3. Mối tương quan của các chỉ tiêu tuyển chọn với thành tích thi đấu (Correlations) của các nữ VĐV Cầu lông Việt Nam giai đoạn chuyên môn hóa sâu

Chỉ tiêu		Pearson Correlation	Sig. (2-tailed)
Hình thái	Chiều cao đứng (cm)	0.845	0.002
	Chỉ số BMI (kg/m ²)	0.879	0.007
Chức năng sinh lý - sinh hóa	Công năng tim (HW)	0.854	0.005
	Dung tích sống (ml/kg)	0.831	0.095
	Số lượng hồng cầu (RBC) (Tera/L)	0.8	0.047
	Số lượng Huyết sắc tố (Hb) (g/DL)	0.832	0.002
	Cortisol máu 7 - 10 giờ (nmol/L)	0.833	0.001
	Testosterone (nmol/L)	0.82	0.001
Năng lực tâm lý - trí tuệ	Năng lực xử lý thông tin (bit/s)	0.854	0.017
	Cảm giác lực cơ	0.8	0.037
	Phản xạ đơn(m/s)	0.855	0.048
	Loại hình thần kinh	0.888	0.038
	Năng lực không chế động tác	0.813	0.002
Thể lực chung và chuyên môn	Bật xa tại chỗ không đà (cm)	0.864	0.001
	Chạy 30m XPC (s)	0.884	0.001
	Chạy 800m (s)	0.86	0.001
	Di chuyển ngang sân đơn 5 lần (lần)	0.818	0.019
	Di chuyển lên xuống 5 lần (lần)	0.806	0.004
Kỹ - chiến thuật	Đánh cầu cao sâu và ô 1m ² (lần)	0.856	0.014
	Đạp cầu dọc biên vào ô 0.5m x 6.70m (lần)	0.888	0.012

Kết quả nghiên cứu về Giáo dục thể chất và Thể thao trường học

Chỉ tiêu	Pearson Correlation	Sig. (2-tailed)
Phát cầu xa vào ô 10 lần (lần)	0.853	0.006
Phát cầu thấp gần vào ô 10 lần (lần)	0.871	0.024
Phối hợp phòng thủ thấp tay đẩy cầu trên lưới (lần)	0.809	0.022
Phối hợp đập cầu dọc biên và bỏ nhỏ 10 lần (lần)	0.866	0.001
Hiệu suất thi đấu	0.989	0.001

Qua bảng 3 cho thấy các chỉ tiêu tuyển chọn so sánh với hiệu suất thi đấu (%) đều có $r > 0.8$ (Ngưỡng xác suất $P < 0.05$). Điều này cho thấy các chỉ tiêu tuyển chọn được kiểm nghiệm mỗi tương quan chặt chẽ với hiệu suất thi đấu.

3. KẾT LUẬN

Quá trình nghiên cứu, thông qua các bước nghiên cứu đã lựa chọn được 25 chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông Việt Nam giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu đảm bảo độ tin cậy và tính thông báo bao gồm 2 chỉ tiêu hình thái, 6 chỉ tiêu sinh lý - sinh hóa, 5 chỉ tiêu tâm lý - trí lực, 5 chỉ tiêu thể lực chung và chuyên

môn, 7 chỉ tiêu kỹ - chiến thuật.

Sau thời gian thực nghiệm, kết quả thu được các chỉ tiêu tuyển chọn về năng lực tâm - trí tuệ, thể lực chung và chuyên môn, kỹ - chiến thuật của nữ VĐV Cầu lông Việt Nam qua 2 lần kiểm tra đều có $r > 0.8$ (Ngưỡng xác suất $P < 0.05$) chứng tỏ kết quả đo lường của các chỉ tiêu tuyển chọn được kiểm nghiệm mang tính lặp lại (retest) có độ ổn định, có mối tương quan chặt. Như vậy, các chỉ tiêu được lựa chọn thông qua kiểm nghiệm đã đảm bảo độ tin cậy khi sử dụng tuyển chọn VĐV nữ Cầu lông giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Đức Chương (2003), *Nghiên cứu phương pháp đánh giá và hệ thống chỉ tiêu tuyển chọn VĐV thanh thiếu niên Võ Wushu, Cầu lông và bóng đá Việt Nam*, Luận án tốt nghiệp Tiến Sĩ, Đại học thể thao Bắc Kinh, 2003.
- Bùi Quang Hải (2014), *Giáo trình tuyển chọn tài năng thể thao*, NXB TĐTT.
- Tăng Phàn Huy, Vương Lộ Đức, Hình Văn Hoa (1992), *Khoa học tuyển chọn VĐV*, NXB Thể thao nhân dân, Trung Quốc.
- Vương Kim Xán (2009), *Khoa học tuyển chọn vận động*, NXB Thể thao nhân dân, Trung Quốc.

Nguồn bài báo: Cao Hoài Anh (2023), Được trích từ luận án tốt nghiệp Tiến sĩ tại Học viện thể thao Vũ Hán, Trung Quốc: “*Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn đánh giá và hệ thống chỉ tiêu tuyển chọn nữ VĐV Cầu lông Việt Nam giai đoạn huấn luyện chuyên môn hóa sâu*”.

Ngày nhận bài: 10/4/2025; Ngày đánh giá: 15/5/2025; Ngày duyệt đăng: 20/5/2025.